

**QUYẾT ĐỊNH**

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 45/2018/QĐ-UBND ngày 18/10/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định phân công, phân cấp và phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Nghệ An

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17/6/2010;

Căn cứ Nghị định số 67/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ về sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công thương;

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phương thức quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;



*(Handwritten signature)*



Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 1131/TTr - SYT ngày 24/4/2019.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thay đổi phần "Bãi bỏ khoản 2 Điều 7, khoản 2 Điều 8 và Điều 9 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 47/2016/QĐ-UBND ngày 21/7/2016 của UBND tỉnh về quản lý an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của ngành công thương trên địa bàn tỉnh Nghệ An" thành "Bãi bỏ Quyết định số 47/2016/QĐ-UBND ngày 21/7/2016 của UBND tỉnh ban hành quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Nghệ An" tại Điều 2 Quyết định số 45/2018/QĐ-UBND ngày 18/10/2018 của UBND tỉnh ban hành quy định phân công, phân cấp và phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

**Điều 2.** Sửa đổi, bổ sung Điều 4, Điều 5, Điều 6 và Điều 28 của Quy định phân công, phân cấp và phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Nghệ An ban hành kèm theo Quyết định số 45/2018/QĐ-UBND như sau:

“1. Điểm d, e khoản 1 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

d) Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện về an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm: nước khoáng thiên nhiên, nước uống đóng chai; cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm nhỏ lẻ; cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi; cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và cơ sở sản xuất thực phẩm khác không được quy định tại danh mục của ngành Công Thương và ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

e) Quản lý các cơ sở kinh doanh thực phẩm không thuộc đối tượng cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm sau: Cơ sở dịch vụ ăn uống có quy mô phục vụ từ 200 suất ăn/lần trở lên; các cơ sở bếp ăn tập thể trong các công ty, nhà máy, khu công nghiệp, trường đại học, cao đẳng, dạy nghề; các bệnh viện đóng trên địa bàn thành phố Vinh có quy mô trên 200 suất ăn/lần phục vụ (trừ bếp ăn tập thể trong các trường mầm non, tiểu học, trung học)”.

2. Điểm a, b khoản 2 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh nước đá





dùng liền, nước đá dùng để chế biến thực phẩm; cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống do Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy phép kinh doanh.

b) Quản lý các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống (không thuộc đối tượng cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm) có quy mô từ 50 đến <200 suất ăn/lần; Bếp ăn trong trường học có tổ chức bếp ăn bán trú, nội trú; bếp ăn tập thể trong các đơn vị, tổ chức có quy mô dưới 200 suất ăn/lần phục vụ.”

“3. Điểm b khoản 1 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

b) Tiếp nhận hồ sơ tự công bố và tổ chức hậu kiểm đối với thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn, dụng cụ chứa đựng thực phẩm, vật liệu bao gói tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm (sau đây gọi chung là sản phẩm) được quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm, trừ các sản phẩm quy định tại khoản 2 Điều 4 và Điều 6 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP”.

“4. Điểm e khoản 1 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

e) Quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm không có địa điểm cố định đối với các cơ sở có giấy đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư do thẩm quyền cấp tỉnh trở lên cấp; các cơ sở sản xuất, kinh doanh dụng cụ, vật liệu bao gói chứa đựng thực phẩm; kinh doanh thực phẩm bao gói sẵn; cơ sở đã được cấp một trong các giấy chứng nhận: GMP, HACCP, ISO 22000, IFS, BRC hoặc tương đương còn hiệu lực quy định tại điểm đ, e, k khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP thuộc thẩm quyền quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn”.

5. Khoản 2 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Tổ chức chỉ đạo thực hiện quản lý toàn diện về an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ; sản xuất, kinh doanh thực phẩm không có địa điểm cố định (trừ các cơ sở được quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 5); sơ chế nhỏ lẻ; kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP có hoạt động sản xuất, kinh doanh các sản phẩm, nhóm sản phẩm thực phẩm, hàng hóa quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

b) Tổ chức ký cam kết và quản lý đối với các cơ sở nêu tại điểm a khoản này có Giấy đăng ký hộ kinh doanh do UBND huyện cấp theo quy định tại Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phương thức quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của





Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (sau đây gọi tắt là Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT).

c) Tổ chức thống kê và phối hợp với các cơ quan quản lý thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định các cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản thuộc quyền quản lý của tỉnh theo quy định tại Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.”

6. Khoản 3 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Quản lý đối với các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ; sản xuất, kinh doanh thực phẩm không có địa điểm cố định; sơ chế nhỏ lẻ; kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này nhưng không có giấy đăng ký doanh nghiệp, giấy đăng ký hộ kinh doanh sản phẩm, nhóm sản phẩm thực phẩm, hàng hóa tại Phụ lục III Nghị định số 15/2018/NĐ-CP theo quy định tại Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT.”

7. Bổ sung từ " Cấp" vào trước câu "Giấy chứng nhận" của điểm c, khoản 1 Điều 6.

“8. Điểm e khoản 1 Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

Quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh dụng cụ, vật liệu bao gói chứa đựng thực phẩm; kinh doanh thực phẩm bao gói sẵn (được cơ quan cấp tỉnh cấp giấy đăng ký doanh nghiệp hoặc được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đầu tư) quy định tại điểm đ, e khoản 1, Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP thuộc thẩm quyền quản lý của ngành Công Thương.”

“9. Điểm c khoản 2 Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

Kiểm tra, cấp Giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người lao động trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ (bao gồm các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trong chợ); buôn bán hàng rong theo quy định đối với các sản phẩm, nhóm sản phẩm, thực phẩm, hàng hóa quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ.”

10. Bổ sung điểm d khoản 2 Điều 6 như sau:

“Quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh dụng cụ, vật liệu bao gói chứa đựng thực phẩm; kinh doanh thực phẩm bao gói sẵn (do cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình thực hiện đăng ký hộ kinh doanh và cơ sở không được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng



nhận đầu tư) quy định tại điểm đ, e khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP thuộc thẩm quyền quản lý của ngành Công Thương”.

11. Khoản 6 Điều 28 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Tổ chức tuyên truyền, vận động các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm theo quy định tại điểm a, b, c, d (trừ các cơ sở thuộc lĩnh vực quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) và điểm i khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP tự nguyện ký cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm”.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/6/2019.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Công Thương; Giám đốc sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Các Bộ: Y tế, NN-PTNT, Công thương (b/c);
- Cục KTVBQPPL, Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PVP tỉnh;
- Thành viên BCĐATTP tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo; Cổng TTĐT;
- CV: VX (Hg);
- Lưu: VT, UB

*Bang*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Minh Thông**